

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2018

V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Đức.

Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2018 về việc: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Đức Th, sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị B, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Xóm 19, xã D, huyện C, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn anh Phạm Đức Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã B, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/10/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh ở Thôn A, xã B. Trong cuộc sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi chửi nhau nên hôn nhân không có hạnh phúc.

Tháng 5/2016, chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ở xã Xóm 19, xã Thọ Nghiệp và sống ly thân với anh. Gia đình hai bên đã tác động, hòa giải nên vợ chồng lại đoàn tụ. Chung sống một thời gian, đến tháng 4 vừa qua vợ chồng lại mâu thuẫn, chị B lại bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ấy. Anh đã nhiều lần khuyên bảo chị B để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị B không nhất trí. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị B, hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyện vọng của anh xin được ly hôn với chị B để anh ổn định cuộc sống.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quang V, sinh ngày 04/11/2016; hiện nay cháu V đang ở với chị B. Anh nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu về việc cấp dưỡng. Hiện anh đủ điều kiện nuôi con và sẽ nhờ bố mẹ đẻ anh giúp anh chăm sóc cháu khi anh đi làm ở xa.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Ngô Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị và anh Th như anh Th trình bày với Tòa án là đúng; vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình, lối sống không hòa hợp; anh Th không chịu khó làm ăn, hay uống rượu và chửi bới chị và vứt đồ đạc của chị ra ngoài sân. Vì vậy, chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sống ly thân với anh Th như anh Th trình bày. Nay anh Th xin ly hôn chị thì chị không nhất trí vì chị là người theo Đạo Thiên Chúa mà lễ giáo không được phép ly hôn, chị cũng muốn con có đầy đủ bố mẹ. Trường hợp anh Th quyết tâm xin ly hôn chị thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh Th trình bày là đúng, hiện nay con chung đang ở với chị. Trường hợp ly hôn, chị xin nhận tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân may cho công ty Lakeland ở xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, lương khoảng 4,5 triệu đồng/tháng; ngoài ra còn có sự hỗ trợ của bố mẹ chị và các anh chị trong việc chăm sóc cháu V.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại xã Xuân Ngọc nhận thấy: Các đương sự trình bày cơ bản là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn không tham gia hòa giải và vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đủ điều kiện xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa anh và chị B; giao cháu V cho chị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không

phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Ngô Thị B có đơn đề nghị xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức Th và chị Ngô Thị B kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa anh Th và chị B không có hạnh phúc do tính tình không hợp, đã sống ly thân, hai bên không có giải pháp hòa giải đoàn tụ. Nay anh Th xin ly hôn, chị B không nhất trí nhưng chị B không tham gia hòa giải, không đưa ra giải pháp hàn gắn đoàn tụ mà đưa ra lý do là chị người theo Đạo Thiên Chúa không được phép ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Đức Th và chị Ngô Thị B đã trầm trọng, thực tế cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Đức Th đối với chị Ngô Thị B.

[3] Về việc nuôi con: Anh Phạm Đức Th và chị Ngô Thị B có 01 con chung là Phạm Quang V, sinh ngày 04/11/2016, hiện đang sống ổn định với chị B. Như vậy cháu V chưa đủ 3 tuổi, đang có cuộc sống ổn định với mẹ, chị B có đủ điều kiện nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đủ cơ sở giao cháu V cho chị Ngô Thị B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Phạm Đức Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Anh Phạm Đức Th là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa anh Phạm Đức Th và chị Ngô Thị B.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao con chung chưa thành niên là cháu Phạm Quang V, sinh ngày 04/11/2016 cho chị Ngô Thị B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Đức Th không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc anh Phạm Đức Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000703 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; anh Phạm Đức Th đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Phạm Đức Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Ngô Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã B: 01 bản;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên